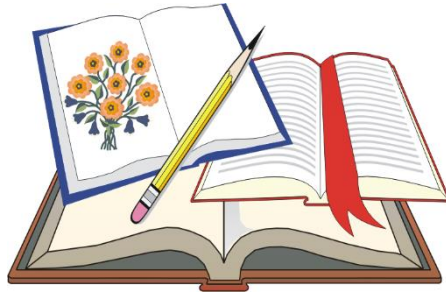


ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BA TRẠI A



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC CỦA HỌC SINH
TRONG HỌC TẬP MÔN ĐỊA LÍ PHẦN ĐỊA LÍ VIỆT NAM

Lĩnh vực/Môn : *Địa lí*

Cấp học : *Tiểu học*

Tên tác giả : *Đặng Thị Tươi*

Đơn vị công tác: *Trường Tiểu học Ba Trại A*

Chức vụ : *Giáo viên*

Năm học: 2023 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm năm học 2023 - 2024

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên sáng kiến
Đặng Thị Tươi	08/06/1990	Trường Tiểu học Ba Trại A	GV	Cử nhân Đại học	<i>“Phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam”</i>

- **Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** Môn Địa lí
- **Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu:** 5/10/2023
- **Mục đích của giải pháp:** Nhằm khắc sâu kiến thức, nâng cao hiệu quả bài học. Tạo sự hứng thú và yêu thích môn Địa lí của học sinh.
- **Tính mới của giải pháp:** Đề tài ***“Phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam”*** đã hệ thống quy trình thiết kế và sử dụng đa dạng biện pháp tích cực vào bài học để nâng cao hiệu quả dạy học Địa lí ở trường Tiểu học.

- Mô tả bản chất của sáng kiến:

** Cách thức và các bước thực hiện giải pháp:*

Bước 1: Cơ sở lí luận của đề tài

Bước 2: Cơ sở thực tiễn (Điều tra thực trạng trước khi thực hiện đề tài bằng phiếu khảo sát và phân tích số liệu thu được):

- + Mức độ nhận thức của giáo viên về các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học phân môn Địa lí theo hướng phát triển năng lực ở trường Tiểu học.
- + Mức độ hứng thú của học sinh khối 5 với các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Địa lí phần địa lí Việt Nam.

Bước 3: Áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Địa lí phần địa lí Việt Nam cho học sinh lớp 5 theo hướng phát triển năng lực gồm:

- + Tổ chức hoạt động trong bài học nhằm kiểm tra mức độ hiểu bài và khảo sát năng lực sử dụng bản đồ, lược đồ và độ yêu thích môn Địa lí phần địa lí Việt Nam của học sinh.

- + Hướng dẫn sử dụng hiệu quả bản đồ, lược đồ.
 - + Khai thác triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Địa lí phần Địa lí Việt Nam.
 - + Tổ chức trò chơi học tập.
 - + Lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường.

Bước 4: Thực hiện dạy học thực nghiệm tại lớp chủ nhiệm.

- + Khảo sát tính hiệu quả mà sáng kiến đem lại. *(Thông qua kết quả dạy học thực nghiệm và phân tích số liệu thu được).*

Bước 5: Kết luận và khuyến nghị.

- + Đưa ra một số kết luận và khuyến nghị
 - **Những thông tin cần được bảo mật (nếu có):** Không
 - **Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:**
- + Nhận thức:
 - Phải nắm vững chương trình môn Địa lí trong toàn cấp, nắm được cách sắp xếp nội dung chương trình mạch kiến thức liên quan tới từng phần của môn học. Từ đó biết được kiến thức cần truyền đạt trong mỗi tiết học được xây dựng dựa trên nền tảng kiến thức nào? Kiến thức, kĩ năng nào hỗ trợ cho kiến thức, kĩ năng mới.
 - Lựa chọn phương pháp giảng dạy hợp lí phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong học tập. Có vậy các em mới hiểu, ghi nhớ và vận dụng kiến thức để thực hiện phép tính thành thạo.
 - Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giảng dạy môn Địa lí..
 - Giáo viên cần xây dựng nội dung bài học bằng cách xây dựng các tình huống có vấn đề,... từ đó học sinh tìm cách giải quyết để tìm ra kiến thức. Cũng từ đây hình thành thói quen chủ động tiếp cận, phát hiện kiến thức cho học sinh
 - Giáo viên cần phải luôn động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận kiến thức từ nhiều nguồn như: trong sách vở, trang thiết bị đồ dùng dạy học, thực tế cuộc sống,... trong dạy học môn Địa lí.
- Về phía học sinh cần chủ động về việc sưu tầm xử lý thông tin, hợp tác với tâm thế sẵn sàng. Phụ huynh học sinh tạo điều kiện ủng hộ cho các con về thời gian và các phương tiện cần thiết.
 - Phối kết hợp chặt chẽ giữa các gia đình, gia đình, xã hội để động viên, giáo dục, nâng cao tính tích cực chủ động trong học tập của học sinh nói chung và trong dạy học môn Địa lí phần địa lí Việt Nam nói riêng cho các em.
 - Học sinh phải có sự tìm hiểu và chuẩn bị bài trước ở nhà một cách kĩ càng, để các em tiếp thu bài tốt không bị thụ động.

+ Phương tiện: Máy tính, Máy chiếu.

- **Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả (So sánh lợi ích kinh tế, xã hội thu được khi áp dụng giải pháp so với trường hợp không áp dụng giải pháp đó, hoặc so với những giải pháp tương tự đã biết ở cơ sở)**

Dựa trên kết quả khảo sát thực tế giữa hai lớp 5A3 (không áp dụng giải pháp) và 5A4 (đã áp dụng giải pháp):

1. Hiệu quả về khoa học:

- Sáng kiến này chỉ ra được những giải pháp mới, áp dụng vào thực tiễn giảng dạy.
- Sáng kiến đã đáp ứng được về những yêu cầu ứng dụng CNTT, khoa học công nghệ trong quá trình giảng dạy và mang lại hiệu quả nhất định.
- Nâng cao chất lượng dạy học với bản đồ, lược đồ, khắc phục được những hạn chế đã nêu trong đề tài.

2. Hiệu quả kinh tế:

Hiệu quả kinh tế của sáng kiến rất khó để định lượng, tuy nhiên có thể chỉ ra một số lợi ích về kinh tế như:

- Giảm thiểu việc mua đồ dùng dạy học như lược đồ, bản đồ, tranh ảnh minh họa cho từng bài.
- Giao bài qua những phần mềm làm bài tập củng cố, giảm chi phí cho việc mua các gói bài tập đắt tiền.
- Nâng cao được hiệu suất làm việc của giáo viên, giúp học sinh hứng thú với môn học và nghiên cứu khoa học, tránh lãng phí thời gian.

3. Hiệu quả xã hội:

- Giờ học đã sôi nổi hơn, các em hào hứng làm việc, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, chủ động tìm tòi kiến thức.
- Học sinh thích tham gia các trò chơi trên bản đồ, lược đồ, đặc biệt thích trình bày những vấn đề liên quan đến môi trường. Nhờ đó đã hình thành cho các em một số thói quen giữ vệ sinh môi trường vệ sinh lớp học.

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

Ba Vì, ngày 08 tháng 05 năm 2024

Người làm đơn

Đặng Thị Tươi

UBND HUYỆN BA VÌ
TRƯỜNG TH BA TRẠI A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

- Họ tên tác giả: **ĐẶNG THỊ TƯƠI**

- Tên đề tài: **Phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam**

- Môn/Lĩnh vực: **Địa lí**

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa
1	Sáng kiến có tính mới	
1.1	Hoàn toàn mới, được áp dụng đầu tiên	25/30
1.2	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ khá	
1.3	Có cải tiến so với giải pháp trước đây với mức độ trung bình	
1.4	Không có tính mới hoặc sao chép từ các giải pháp đã có trước đây	
Nhận xét: SKKN có tính mới được tác giả phát hiện và xây dựng được nội dung, phương pháp mới và áp dụng trong đơn vị, có tính đột phá, phù hợp và nâng cao được hiệu quả, chất lượng trong quá trình thực hiện công tác của mình.		
2	Sáng kiến có tính áp dụng	
2.1	Có khả năng áp dụng trong phạm vi toàn ngành hoặc rộng hơn	28/30
2.2	Có khả năng áp dụng trong đơn vị và có thể nhân ra một số đơn vị có cùng điều kiện	
2.3	Có khả năng áp dụng trong đơn vị	
2.4	Không có khả năng áp dụng trong đơn vị	
Nhận xét: SKKN có hiệu quả, mang tính khả thi, dễ áp dụng, có tính ứng dụng cao, có khả năng ứng dụng đại trà trong các trường học đạt kết quả cao.		
3	Sáng kiến có tính hiệu quả	
3.1	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa	

3.2	Có hiệu quả, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội	27/30
3.3	Có hiệu quả, lợi ích phù hợp với mức độ phù hợp tại đơn vị	
3.4	Không có hiệu quả cụ thể	
Nhận xét: SKKN có sử dụng các phương pháp để phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát được mục tiêu, vấn đề nêu ra; phù hợp với quy luật, với xu thế chung, mang lại hiệu quả cao và có tính lan tỏa.		
4	Điểm trình bày	
4.1	Trình bày khoa học, hợp lý	10/10
4.2	Trình bày chưa khoa học, chưa hợp lý	
Nhận xét: SKKN được trình bày văn bản đúng quy định, in màu, thiết kế đẹp, đóng thành quyển, trình bày khoa học và có kết cấu hợp lý.		
Tổng cộng: 90 điểm Đánh giá: ☒ Đạt (>70 điểm). ☐ Không đạt		

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CƠ SỞ
HIỆU TRƯỞNG

MỤC LỤC

A - ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	1
3. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng, phạm vi, thời gian nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
B - GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ.....	3
I - Cơ sở lí luận và cơ sở thực tiễn.....	3
1. Cơ sở lí luận.....	3
1.1. Khái niệm về dạy học theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh.....	3
1.2. Mục đích của việc dạy học phát huy tính tích cực chủ động của học sinh.....	3
1.3. Ý nghĩa của việc dạy học theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh.....	4
1.4. Một số phương pháp dạy học môn Địa lí chủ yếu.....	4
1.5. Đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.....	4
1.6. Đổi mới trong dạy học môn Địa lí ở Tiểu học.....	5
2. Cơ sở thực tiễn.....	5
2.1. Chương trình sách giáo khoa môn Địa lí 5.....	5
2.2. Những thuận lợi và khó khăn khi dạy môn Địa lí 5.....	6
II - Thực trạng.....	7
1. Về phía giáo viên.....	7
2. Về phía học sinh.....	7
III – Một số biện pháp nhằm phát huy tính tích cực của học sinh lớp 5 trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam.....	8
1. Biện pháp 1: Hướng dẫn sử dụng hiệu quả bản đồ, lược đồ.....	8
1.1. Vai trò của lược đồ, bản đồ, biểu đồ ở các bài trong sách Địa lí lớp 5.....	8
1.2. Một số điểm lưu ý khi sử dụng lược đồ, bản đồ.....	9
1.3. Hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức từ bản đồ, biểu đồ.....	10
2. Biện pháp 2: Khai thác triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.....	12
2.1. Vai trò của giáo án điện tử.....	12
2.2. Những ưu thế, tác dụng to lớn của giáo án điện tử.....	12
2.3. Những lưu ý khi dùng giáo án điện tử.....	13

2.4. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ ôn tập trực tuyến	13
3. Biện pháp 3: Tổ chức trò chơi học tập	14
4. Biện pháp 4: Lòng ghép giáo dục bảo vệ môi trường	16
5. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị:	17
IV. Hiệu quả của sáng kiến:.....	18
1. Hiệu quả về khoa học:	18
2. Hiệu quả kinh tế	18
3. Hiệu quả xã hội :	18
V. Tính khả thi (khả năng áp dụng thực tiễn công tác của đơn vị):	18
VII. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến:	18
VIII. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến.....	18
C – KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	19
1. Kết luận.....	19
2. Khuyến nghị.....	19
2.1. Đối với giáo viên	19
2.2. Đối với nhà trường	20
PHỤ LỤC	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

A - ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài

Ở Tiểu học, ngay từ ngày đầu đi học, bên cạnh việc học chữ, làm toán học sinh đã được tìm hiểu và mở rộng những điều đơn giản xuất phát từ vốn sống, vốn hiểu biết được hình thành từ trong cuộc sống với gia đình, làng quê, phố phường nơi các em đang sinh sống qua môn Tự nhiên xã hội.

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học là môn học bắt buộc, được tổ chức dạy và học ở lớp 4 và lớp 5. Môn học được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển từ môn Tự nhiên và Xã hội các lớp 1, 2, 3 và là cơ sở để học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp trung học cơ sở, đồng thời góp phần đặt nền móng ban đầu cho việc giáo dục về khoa học xã hội ở các cấp học trên. Môn Địa lí có vai trò quan trọng trong việc cung cấp những tri thức khoa học ban đầu về tự nhiên xã hội. Ở một chừng mực nào đó, môn Địa lí có nhiệm vụ hình thành cho học sinh một số biểu tượng, khái niệm, mối quan hệ địa lí đơn giản thông qua những sự vật hiện tượng địa lí cụ thể của đất nước và thế giới. Đồng thời phải có nhiệm vụ hình thành và rèn luyện cho học sinh một số kĩ năng như kĩ năng quan sát sự vật hiện tượng địa lí; kĩ năng sử dụng bản đồ; kĩ năng nhận xét, so sánh, phân tích, bảng số liệu, biểu đồ; kĩ năng phân tích các mối quan hệ địa lí đơn giản. Mặt khác phải góp phần bồi dưỡng và phát triển ở học sinh thái độ và thói quen: ham hiểu biết, yêu thiên nhiên, đất nước, con người, có ý thức và hành động bảo vệ môi trường.

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng cũng như việc đổi mới dạy học các môn học nói chung và môn Địa lí nói riêng bởi vậy tôi đã đi sâu vào nghiên cứu các biện pháp dạy học Địa lí nhằm ***“Phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam”*** với mong muốn bồi dưỡng cho các em năng lực tự học, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên trở thành những con người toàn diện.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu nội dung, phương pháp dạy học, thực trạng dạy và học môn Địa lí nói chung và phần địa lí Việt Nam nói riêng, đề xuất phương hướng dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả dạy học Địa lí trong chương trình tiểu học.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Đưa ra một số biện pháp hữu hiệu, khả thi về việc phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí phần địa lí Việt Nam.

4. Đối tượng, phạm vi, thời gian nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: Học sinh khối 5.

- Thời gian nghiên cứu: Tháng 9/2023.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu lí luận.
- Phương pháp điều tra, khảo sát thực tế, thu thập thông tin.
- Phương pháp thống kê, xử lí số liệu.
- Trao đổi kinh nghiệm cùng đồng nghiệp.
- Phương pháp khảo sát, điều tra.
- Phương pháp quan sát.

B - GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I - Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn

1. Cơ sở lý luận

1.1. Khái niệm về dạy học theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh

Trong lý luận dạy học có những quan niệm khác nhau về vai trò của giáo viên và vai trò của học sinh nhưng tựu chung lại có 2 hướng: hoặc tập trung vào vai trò hoạt động của giáo viên (lấy giáo viên làm trung tâm), hoặc tập trung vào vai trò hoạt động của học sinh (lấy học sinh làm trung tâm).

PGS.TS Nguyễn Đức Vũ cho rằng: Dạy học lấy học sinh làm trung tâm hay dạy học theo hướng tập trung vào học sinh về bản chất là để nâng cao hoạt động tính tích cực, tự giác, sáng tạo của học sinh trong quá trình nhận thức dưới sự tổ chức, điều khiển chỉ đạo của giáo viên, dạy học bằng hoạt động và trong hoạt động học sinh làm việc tích cực, chủ động.

Dạy học theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh là quá trình tổ chức hoạt động học tập của giáo viên mà ở đó học sinh trở thành chủ thể hoạt động, tích cực, tự giác, chủ động và sáng tạo trong hoạt động để tạo nên kiến thức, tạo niềm hứng thú lạc quan khi học tập.

1.2. Mục đích của việc dạy học phát huy tính tích cực chủ động của học sinh.

Chương trình tiểu học hiện nay coi trọng và khuyến khích dạy học trên cơ sở hoạt động học tập, tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh nhằm giúp học sinh tự phát hiện, tự giải quyết các vấn đề của bài học đó. Để học sinh tự chiếm lĩnh các kiến thức có ở tất cả các môn học đòi hỏi người giáo viên phải đổi mới phương pháp dạy học. Một trong những dấu hiệu của đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học là học sinh phải tích cực hoạt động và hoạt động đó phải hướng tới sự phát triển năng lực của mỗi cá nhân học sinh. Muốn vậy nội dung kiến thức trong các bài phải được xây dựng theo các tình huống có vấn đề đòi hỏi người học sinh phải tự tìm tòi, khám phá, chiếm lĩnh và vận dụng.

Dạy học theo hướng phát huy tính tích cực chủ động của học sinh là quá trình giáo viên tổ chức, hướng dẫn học sinh thực hiện các hoạt động để:

- Mọi học sinh đều chủ động tích cực phát huy hết khả năng của các em vào tìm tòi, khám phá ra những nội dung kiến thức mới của bài học.
- Nhằm khuyến khích học sinh nêu câu hỏi, thắc mắc, đặt vấn đề để tự trả lời hoặc cùng bạn của mình giải quyết.
- Giúp học sinh tập trung sự cố gắng để huy động năng lực, sở trường của các em, tạo ra cho các em sự phấn khởi, có ý thức phấn đấu vươn lên và tìm được sự vui thích, say mê trong học tập.

Với cách dạy như trên đòi hỏi người giáo viên phải chủ động, sáng tạo trong phương pháp, trong hình thức tổ chức dạy học.

1.3. Ý nghĩa của việc dạy học theo hướng phát huy tính tích cực học tập của học sinh

- Đối với giáo viên
 - + Tổ chức hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập với các hình thức đa dạng, phong phú, có sức hấp dẫn, lôi cuốn học sinh tham gia.
 - + Quan sát được hành vi, thái độ học tập của học sinh.
- Đối với học sinh
 - + Học sinh tích cực suy nghĩ, chủ động tham gia các hoạt động học tập để tự khám phá và lĩnh hội kiến thức.
 - + Tích cực sử dụng thiết bị, đồ dùng học tập, xây dựng và thực hiện các kế hoạch học tập phù hợp với khả năng, điều kiện.
 - + Rèn luyện khả năng diễn thuyết, đưa ra ý kiến cá nhân.

1.4. Một số phương pháp dạy học môn Địa lí chủ yếu

- Phân loại theo nguồn kiến thức và đặc điểm tri giác thông tin có: phương pháp dùng lời, trực quan, thực hành.

Nhóm các PPDH Địa lí	Tên các PPDH cụ thể
Dùng lời	Thuyết trình (giảng giải, diễn giảng, giảng thuật), đàm thoại (vấn đáp, gợi mở), đọc, mô tả,...
Trực quan	Sử dụng bản đồ, quan sát địa lý, sử dụng phim ảnh, máy chiếu... hình vẽ, sơ đồ, tranh ảnh của giáo viên.
Thực hành	Thực hành quan sát ở địa phương, thực hành với quả địa cầu, bản đồ, bảng số liệu, sơ đồ... hoạt động học tập của học sinh.

1.5. Đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học

Mỗi qui trình dạy học được xác định bởi 3 yếu tố cơ bản là: mục đích dạy học, nội dung dạy học và phương pháp dạy học. Ba yếu tố này có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau.

Trong thời gian qua, ngành giáo dục nói chung và bậc Tiểu học nói riêng có nhiều giải pháp trong việc thực hiện những thay đổi trong quá trình dạy học và bước đầu có những kết quả đáng khích lệ. Những đổi mới này đã đang và sẽ tiếp tục được thay đổi về cả hình thức và nội dung với mục tiêu ngày càng toàn diện hơn.

1.6. Đổi mới trong dạy học môn Địa lí ở Tiểu học

Với đặc thù của môn học Địa lí, để hoạt động học tập của học sinh ngày càng tích cực hơn cần có phương pháp dạy học phù hợp với nội dung, kiến thức, với đặc điểm lứa tuổi tâm sinh lí của các em cũng như điều kiện dạy học cụ thể ở địa phương.

Một trong những đổi mới tích cực nhất của dạy môn Địa lí trong một vài năm gần đây là đặt trọng tâm đổi mới vào các phương pháp dạy học nghĩa là phải thay đổi hình thức dạy học từ “thầy giảng - trò ghi” sang hình thức “thầy tổ chức các hoạt động - trò hoạt động” để tăng cường tính chủ động nhận thức của người học. Thay đổi hình thức này người giáo viên phải biết kết hợp phương pháp dạy học truyền thống với việc sử dụng linh hoạt các hình thức tổ chức học tập theo cá nhân, nhóm, lớp, học tập trong lớp và ngoài lớp thông qua các thiết bị dạy học như bản đồ, lược đồ, biểu đồ hoặc tranh ảnh,... để học sinh tự khám phá, chiếm lĩnh kiến thức.

Mỗi phương pháp, mỗi hình thức dạy học đều có những ưu điểm riêng nên giáo viên phải biết lựa chọn hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp và có

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Chương trình sách giáo khoa môn Địa lí 5

a) Cấu trúc: Sách gồm có hai phần:

- **Phần 1:** Địa lí Việt Nam gồm có 16 bài (2 bài ôn tập).
- **Phần 2:** Địa lí thế giới gồm 13 bài (2 bài ôn tập).

b) Nội dung: Phần địa lí Việt Nam được chia theo ba nội dung chính

- **Tìm hiểu về tự nhiên:**

- + Sơ lược về vị trí địa lí, diện tích, hình dạng của nước ta.
- + Một số đặc điểm nổi bật về địa hình, khoáng sản, khí hậu, sông biển, các loại đất, động thực vật (sự phân bố và giá trị kinh tế của chúng).

- **Dân cư:**

- + Sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số và hậu quả của nó.
- + Một số đặc điểm nổi bật về các dân tộc Việt Nam, sự phân bố dân cư.

- **Kinh tế:**

- + Một số đặc điểm nổi bật về tình hình và sự phân bố nông nghiệp, ngư nghiệp.
- + Một số đặc điểm nổi bật về giao thông, thương mại và du lịch.

c) Địa lí thế giới

- Bản đồ thế giới.
- Vị trí và một số đặc điểm đặc trưng của từng châu lục, từng đại dương trên thế giới.
- Vị trí và một số đặc điểm nổi bật của khu vực Đông Nam Á.

- Vị trí, thủ đô và đặc điểm nổi bật của một số quốc gia tiêu biểu ở các châu lục: Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, liên bang Nga, Pháp, Hoa Kỳ, Ai Cập, Ô-xtrây-li-a.

2.2. Những thuận lợi và khó khăn khi dạy môn Địa lí 5

2.2.1. Thuận lợi

a) Về sách giáo khoa

- Được trang bị đầy đủ cho học sinh.
- Màu sắc, hình ảnh, lược đồ, bản đồ, bảng số liệu, kênh chữ,... đẹp, rõ ràng, chính xác.
- Các câu hỏi hoặc các yêu cầu hoạt động được in nghiêng ở giữa bài gợi ý cho giáo viên tổ chức các hoạt động cho học sinh khai thác thông tin dễ dàng.
- Câu hỏi cuối bài giúp giáo viên kiểm tra việc thực hiện mục tiêu bài và củng cố kiến thức.
- Phần bài học được in mực màu xanh giúp học sinh dễ nhận biết.
- Sách giáo viên có phần bổ sung thông tin, giúp giáo viên mở rộng kiến thức.

b) Về chương trình

- Cấu trúc nội dung theo từng chủ đề, từng bài cụ thể. Ở lớp 4 có 3 chủ đề với 34 bài học ứng với 34 tiết học. Ở lớp 5 có 2 kiểu bài là hình thành kiến thức mới (25 bài) và bài ôn tập (4 bài).
- Mục tiêu, nội dung chương trình nhẹ nhàng phù hợp với lứa tuổi học sinh.

2.2.2. Khó khăn

a) Về phía giáo viên

- Có một số bộ phận giáo viên chưa yêu thích môn Địa lí nên chưa cập nhật, tìm hiểu những thông tin, hiểu biết về tự nhiên, con người, cuộc sống xung quanh để hỗ trợ cho môn học.
- Giáo viên chưa nắm được một số kĩ năng trong dạy môn Địa lí.
- Chưa có điều kiện tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh để kết hợp với học tập.
- Chưa có sổ tay về các thuật ngữ địa lí.

b) Về phía phụ huynh, học sinh

- Chưa chú trọng trong môn học này, chủ yếu còn học thuộc nhiều hơn học hiểu để mở rộng vốn sống.
- Chưa hứng thú hoặc không có điều kiện tìm hiểu về thiên nhiên, đất nước, con người.

c) Về đồ dùng dạy học

- Một số bản đồ riêng về vùng, miền, nước, châu, quả địa cầu thiếu, hư hỏng nhiều gây khó khăn cho giáo viên khi muốn dạy tốt.

- Chưa có sổ tay về các thuật ngữ địa lí.
- Đồ dung dạy học cần được sử dụng hiệu quả nhất thì mới phát huy được tính tích cực của học sinh ở mỗi bài học cụ thể.

II - Thực trạng

1. Về phía giáo viên

Trên thực tế giáo viên tiểu học còn gặp nhiều khó khăn khi dạy môn Tự nhiên xã hội nói chung hay môn Địa lí nói riêng. Chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận một thực tế mà có nhiều giáo viên không dám dũng cảm thừa nhận. Đó là vốn kiến thức về môn Lịch sử, Địa lí còn hạn hẹp, sự hiểu biết chưa phong phú nên việc hướng dẫn học sinh tiếp nhận kiến thức của môn học hiệu quả chưa cao.

Mặt khác giáo viên tiểu học phải đảm nhiệm việc truyền thụ kiến thức của hầu hết các môn học có trong chương trình nên độ chuyên sâu về kiến thức và kỹ năng của từng môn chưa cao.

Mặc dù được tiếp cận khá nhiều phương pháp dạy học mới song còn một số giáo viên ngại nghiên cứu để cải tiến phương pháp, hình thức tổ chức, ngại tìm kiếm tư liệu, còn lệ thuộc vào sách giáo viên, sách thiết kế nên giờ học còn đơn điệu, chưa lôi cuốn được học sinh.

Một lí do khác có tác động không nhỏ tới việc tích lũy kiến thức của giáo viên là nguồn tư liệu hỗ trợ kiến thức về môn học quá ít ỏi, không phong phú, đa dạng như các môn học khác.

Bên cạnh đó còn có nhiều giáo viên tập chung nhiều thời gian để học sinh giải quyết nội dung các kiến thức của môn học Toán và Tiếng Việt mà chưa chú trọng đến môn Địa lí.

Tất cả các lý do trên chính là những điểm hạn chế của giáo viên trong quá trình giảng dạy phân môn Địa lí mà tôi thấy cần sớm phải khắc phục.

2. Về phía học sinh

Nhiều học sinh không hào hứng với môn Địa lí. Khi trò chuyện, phần lớn các em đều cho rằng đây là môn học khó nhớ kiến thức, hay bị nhầm lẫn giữa cùng một yếu tố ở các vùng miền khác nhau. Suốt ngày phải làm việc với các lược đồ chẳng chịt những kí hiệu. Một số em rất lúng túng khi phải chỉ bản đồ, lược đồ hay ngại học thuộc lòng nhiều. Bên cạnh đó, với điểm hạn chế của giáo viên như đã trình bày ở trên ít nhiều làm nảy sinh tâm lý ngại và sợ học môn Địa lí của học sinh.

Từ thực tế giảng dạy, đầu năm tôi khảo sát thấy hầu hết các em ngại hay lo lắng khi đến giờ học hoặc lúng túng không biết chỉ bản đồ, lược đồ, không xác định được phương hướng vị trí của một số vùng, miền. Cụ thể: Kết quả khảo sát đầu năm môn Địa lí của hai lớp 5A3 và 5A4 như sau:

Lớp	TSHS	Khảo sát đầu năm					
		HHT		HT		CHT	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
5A3	38	12	31,6%	26	68,4%	0	0
5A4	41	10	24,4%	31	75,6%	0	0

Là một giáo viên được trực tiếp giảng dạy khối 5 trong những năm qua, tôi luôn cố gắng suy nghĩ, học hỏi, tìm tòi các phương pháp dạy học với mong muốn sẽ giúp các em yêu thích môn học hơn, khao khát được khám phá những điều thú vị xảy ra xung quanh ta trong cuộc sống hàng ngày. Có lẽ trăn trở của tôi cũng là sự trăn trở của nhiều giáo viên, của các nhà quản lý có tâm huyết với nghề. Trong quá trình tích lũy tôi đã mạnh dạn đổi mới phương pháp giảng dạy môn Địa lí để nhằm: ***“Phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam”***.

III – Một số biện pháp nhằm phát huy tính tích cực của học sinh lớp 5 trong học tập môn Địa lí phần Địa lí Việt Nam

Để nâng cao chất lượng dạy học cũng như phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập môn Địa lí, tôi xin mạnh dạn đưa ra một số biện pháp sau:

1. Biện pháp 1: Hướng dẫn sử dụng hiệu quả bản đồ, lược đồ

1.1. Vai trò của lược đồ, bản đồ, biểu đồ ở các bài trong sách Địa lí lớp 5

Bản đồ địa lí là hình vẽ thu nhỏ bề mặt trái đất hoặc một bộ phận của bề mặt trái đất trên mặt phẳng dựa vào phương pháp toán học, phương pháp biểu hiện bằng kí hiệu để thể hiện các thông tin về địa lí. Bản đồ vừa là phương tiện trực quan vừa là nguồn tri thức quan trọng của việc dạy và học địa lí, chiếm một số lượng nhiều nhất trong hệ thống kênh hình ở môn Địa lí lớp 5.

Lược đồ là những bản đồ, nhưng thiếu yếu tố toán học (tỉ lệ bản đồ, hệ thống kinh tuyến, vĩ tuyến...) nên không sử dụng để đo tính khoảng cách mà chỉ dùng để nhận biết vị trí tương đối của một số đối tượng địa lí với một vài đặc điểm của chúng.

Cụ thể trong sách giáo khoa phần địa lí Việt Nam lớp 5 có 15/16 lược đồ, 2 biểu đồ, 4 bảng số liệu và một số tranh ảnh. Nếu như không kể bài ôn tập thì trung bình một bài học phải sử dụng ít nhất một lược đồ.

Theo định hướng đổi mới về phương pháp dạy học thì bản đồ, lược đồ chính là nguồn cung cấp kiến thức giúp học sinh tìm tòi, phát hiện kiến thức qua đó nhằm rèn luyện kỹ năng bộ môn chứ không chỉ minh họa cho lời giảng của giáo viên. Như vậy bản đồ, lược đồ là phương tiện trực quan mà giáo viên cần phải biết tổ chức cho học sinh hoạt động tích cực thông qua đó để thu nhận kiến thức.

1.2. Một số điểm lưu ý khi sử dụng lược đồ, bản đồ

(Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 1)

Giáo viên khi sử dụng bản đồ, lược đồ cần chính xác, hiệu quả để khai thác kiến thức mới. Có lẽ, giáo viên cũng đã nắm được trình tự sử dụng bản đồ nhưng tôi cũng xin nhắc lại các bước:

Bước 1: Nắm được mục đích làm việc với bản đồ.

Tức là đọc tên bản đồ, để biết nội dung sử dụng cung cấp kiến thức gì cho bài học. Bước này không khó, giáo viên cần lưu ý khi tự vẽ thêm bản đồ thì phải có tên bản đồ (có thể viết trên hoặc viết ở dưới)

Bước 2: Xem bảng chú giải để có biểu tượng địa lí cần tìm trên bản đồ.

Đọc bảng chú giải, kí hiệu nào cho biết thông tin gì .

Ví dụ: đường đứt khúc chỉ ranh giới giữa các tỉnh, ngôi sao màu xanh chỉ nhà máy thủy điện, ngôi sao màu đỏ chỉ nhà máy nhiệt điện, chấm tròn chỉ thành phố...

Bước 3: Tìm vị trí địa lí của đối tượng trên bản đồ.

Đây chính là bước kĩ năng chỉ bản đồ. Ở bước này giáo viên cũng như học sinh thường chỉ không chính xác do không thường xuyên chỉ bản đồ nên dễ lúng túng. Chỉ bản đồ có các cách chỉ sau:

- Chỉ điểm (thành phố, khoáng sản, ...)
- Chỉ đường (sông, dãy núi, ...)
- Chỉ vùng (chỉ vị trí giới hạn của tỉnh, thành phố, quốc gia, châu lục ...)

*** Một số thao tác khi chỉ các biểu tượng địa lí**

- Chỉ về một châu lục, một nước, một thành phố, một tỉnh. Nếu là bản đồ hành chính thì sẽ có ranh giới giữa các châu lục, các nước, các thành phố, tỉnh. Giáo viên chỉ theo đường ranh giới, bắt đầu ở điểm nào thì kết thúc ở điểm đó của một châu lục, một nước, một thành phố, tỉnh muốn chỉ. Lưu ý khi chỉ nếu là bản đồ tự nhiên thì thường một thành phố được kí hiệu bằng dấu chấm tròn, giáo viên chỉ ngay vào chấm tròn là thành phố.

- Chỉ về đại dương, biển, sông: Đại dương khi chỉ kéo rộng trong giới hạn của nó không lấn vào đất liền. Biển, sông, dãy núi chỉ theo hướng từ thượng lưu đổ xuống hạ lưu, từ nơi cao (độ cao của địa hình) xuống nơi thấp.

Bước 4: Quan sát đối tượng trên bản đồ, nhận xét và nêu đặc điểm đơn giản của đối tượng (khai thác một phần kiến thức mới).

Ví dụ: - Khi chỉ vị trí của nước Việt Nam, nhận xét vị trí nước ta kéo dài từ Bắc xuống Nam, nằm phía cực Nam.

- Địa hình nước ta, dựa vào màu sắc trên lược đồ học sinh nhận xét được địa hình nước ta đồi núi nhiều hơn đồng bằng.

Bước 5: Xác lập mối quan hệ địa lí đơn giản giữa các yếu tố tự nhiên

Ví dụ: Khi học sinh chỉ được vị trí nước ta, phía đông giáp biển Đông, đường bờ biển kéo dài như thế thì sẽ thuận lợi để phát triển ngành nào? (đánh bắt thủy hải sản, ...). Đó chính là mối quan hệ giữa vị trí địa lí và hoạt động sản xuất.

** Một số lưu ý:*

- Đối với giáo viên:

+ Tư thế khi thao tác là mặt quay xuống phía học sinh, có thể đứng bên trái hay bên phải tùy thuộc giáo viên thuận tay nào.

+ Sử dụng dụng cụ chỉ bản đồ, không dùng tay thao tác.

+ Giới thiệu biểu tượng muốn chỉ rồi thao tác, hoặc thao tác trước rồi giới thiệu biểu tượng, tránh vừa thao tác vừa giới thiệu rất dễ sai.

+ Bản đồ, lược đồ khi treo trên bảng cần đủ lớn để tất cả học sinh có thể quan sát được (trường hợp nhỏ phát về nhóm cho các em tự quan sát).

+ Giáo viên thường xuyên thao tác trên bản đồ để giúp học sinh nhuần nhuyễn khi lên học cấp trung học cơ sở.

- Đối với học sinh: muốn học sinh tiếp thu được kiến thức thông qua các lược đồ, biểu đồ, bản đồ thì người giáo viên phải hình thành cho được một số kỹ năng sau:

+ Học sinh phải có kỹ năng định hình được phương hướng trên lược đồ, bản đồ.

+ Phải nắm được ký hiệu trên lược đồ, bản đồ đó.

+ Phải biết đọc và hiểu các ký hiệu trên lược đồ, bản đồ.

(Có hình minh họa kèm theo phụ lục- ảnh 2)

1.3. Hướng dẫn học sinh khai thác kiến thức từ bản đồ, biểu đồ

Ở mỗi bài học cụ thể biểu đồ, lược đồ có tác dụng khơi gợi kiến thức theo các mức độ khác nhau. Bởi vậy giáo viên phải hướng dẫn học sinh làm việc theo các mức độ từ dễ đến khó.

1.3.1. Hướng dẫn học sinh chỉ đối tượng địa lí trên bản đồ, lược đồ

Chỉ vị trí địa lí và giới hạn của nước Việt Nam, chỉ trên bản đồ, lược đồ ranh giới khí hậu giữa hai miền Nam, Bắc, chỉ được một số con sông chính, chỉ vùng biển, vùng phân bố các loại đất, các loại rừng, sự phân bố một số ngành công nghiệp ở nước ta.

Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát kỹ lược đồ sau đó tìm đối tượng ở trên lược đồ. Ở mức độ này giáo viên cần cho học sinh đọc kỹ phần chú giải để nắm bắt được biểu tượng, ký hiệu trên từng lược đồ sau đó quan sát kỹ để chỉ ra đúng đối tượng mà giáo viên yêu cầu. Ở bài đầu tiên giáo viên cần hướng dẫn học sinh cách chỉ. Chẳng hạn để chỉ một con sông cần chỉ từ nơi đầu nguồn đến cuối nguồn mới dừng lại hay chỉ một hòn đảo hoặc quần đảo cần phải khoanh vùng.

Ví dụ: Khi dạy bài 1: Việt Nam - đất nước chúng ta, giáo viên yêu cầu học sinh quan sát lược đồ trong sách giáo khoa và trên bảng hoặc máy chiếu thảo luận theo nhóm đôi để tìm, đọc tên và chỉ một số đảo và quần đảo ở nước ta.

Giáo viên treo sẵn lược đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á trên bảng hoặc trên máy chiếu, sau đó cần hướng dẫn học sinh:

- Tư thế khi thao tác trên lược đồ là hơi quay mặt xuống phía các bạn ngồi dưới. Có thể đứng bên trái hay bên phải tùy thuộc tay thuận của học sinh.

- Sử dụng que chỉ khi thao tác với lược đồ.

- HS có thể giới thiệu: “Việt Nam có một số đảo và quần đảo như: đảo Cát Bà, đảo Bạch Long Vĩ, quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, ...” sau đó thao tác trên lược đồ chỉ các đảo, quần đảo. Hoặc có thể làm ngược lại tức là thao tác trước giới thiệu sau đều được. *(Có minh họa kèm theo phụ lục - ảnh 2)*

1.3.2. Hướng dẫn học sinh dựa vào lược đồ, bản đồ để nhận biết được sự phân bố, nêu được vị trí giới hạn của một số đối tượng địa lí

Ở mức độ này đòi hỏi học sinh phải quan sát ở rộng hơn, kiến thức địa lí phải nhiều hơn. Muốn học sinh nhận biết đúng giáo viên cần cho học sinh nêu lại cách xác định phương hướng trên bản đồ, lược đồ.

Ví dụ: Khi dạy bài 1: Việt Nam - đất nước chúng ta. Vì đây là bài đầu tiên nên tôi cho học sinh nhớ lại các phương hướng trên lược đồ như: bắc trên, nam dưới, tây bên tay trái, đông bên phải. Khi học sinh định hướng được rồi mới yêu cầu học sinh chỉ vị trí, giới hạn của nước ta. Để giúp học sinh linh hoạt hơn tôi có thể thay đổi câu hỏi: Phía bắc nước ta giáp với phía nào của Trung Quốc. Phía nào của Trung Quốc giáp phía bắc của nước ta. Khi chỉ vị trí giới hạn cần chỉ theo đường ranh giới giữa các quốc gia.

1.3.3. Hướng dẫn học sinh xác định trên bản đồ, lược đồ các đối tượng địa lí

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc phần chú giải để có biểu tượng địa lí cần tìm trên bản đồ.

Ví dụ: Xác định trên các bản đồ các tuyến đường giao thông, các sân bay quốc tế, các cảng biển lớn hay các trung tâm thương mại, trung tâm du lịch lớn ở nước ta, ... Ở phần này tôi hướng dẫn học sinh xác định vị trí như sau: Hà Nội hướng mắt lên phía bắc (phía trên), thành phố Hồ Chí Minh hướng mắt xuống phía nam (phía dưới). Học sinh cần có biểu tượng về vị trí các vùng như bắc, trung, nam, tây bắc, đông bắc, đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ,...

1.3.4. Hướng dẫn học sinh dựa vào bản đồ, lược đồ nêu được đặc điểm chính của đối tượng

Mức độ cao nhất ở phần này đòi hỏi học sinh phải biết khái quát các kiến thức về vị trí, đặc điểm của từng đối tượng.

Ví dụ: Bài 2: Địa hình và khoáng sản. Giáo viên yêu cầu học sinh nhìn vào lược đồ địa hình Việt Nam trong sách giáo khoa và cả trên bảng (giáo viên treo lược đồ địa hình Việt Nam trên bảng hoặc chiếu trên máy chiếu) thảo luận theo nhóm 2 để chỉ vùng núi và vùng đồng bằng trên lược đồ, so sánh diện tích của vùng đồi núi với vùng đồng bằng của nước ta. Giáo viên tổ chức học sinh thực hiện như sau:

- Thực hành chỉ trên sách và nêu nhận xét trong nhóm.
- Yêu cầu đại diện nhóm lên bảng chỉ trên lược đồ (dùng que chỉ khoanh tròn vào từng vùng trên bản đồ) và nêu nhận xét.

Qua việc tổ chức như vậy học sinh đã tìm ra được các vùng núi và vùng đồng bằng đồng thời nêu được: Nước ta diện tích đồi núi gấp nhiều lần diện tích đồng bằng.

2. Biện pháp 2: Khai thác triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

2.1. Vai trò của giáo án điện tử

Ngày nay khi công nghệ thông tin ngày càng phát triển thì việc ứng dụng nó vào tất cả các ngành nghề các lĩnh vực khác nhau là một điều tất yếu. Trong lĩnh vực giáo dục, những năm gần đây có nhiều nơi đã đưa công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập. Công nghệ thông tin đã mở ra một triển vọng to lớn trong việc đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học. Việc sử dụng giáo án điện tử tạo ra nhiều thuận lợi cho cả thầy và trò. Bởi dạy học theo cách này đã giúp giáo viên cải tiến giáo án theo tinh thần đổi mới hết sức thuận lợi, mặt khác lôi cuốn học sinh tích cực tham gia vào bài giảng, phát huy tối đa ý thức tự giác về nhận thức của học sinh đồng thời người giáo viên sử dụng được nhiều phương pháp dạy học cho nhiều đối tượng.

2.2. Những ưu thế, tác dụng to lớn của giáo án điện tử

a) Hệ thống bản đồ, lược đồ được sử dụng ở hầu hết các bài địa lí lớp 5 mà thư viện không thể đáp ứng đầy đủ được. Hơn nữa, với bản đồ trên máy, giáo viên có thể dùng hiệu ứng để làm nổi bật địa danh mình muốn nhắc đến hoặc tạo liên kết để khi kích chuột vào tên địa danh đó trên bản đồ thì dẫn dắt học sinh đến với nơi tương ứng với tên đó.

Ví dụ 1: Bài 5: Vùng biển nước ta (*Có minh họa kèm theo tại phụ lục - ảnh 3*)

Ví dụ 2: Bài 4: Sông ngòi (*Có minh họa kèm theo tại phụ lục - ảnh 4*)
Hoặc với bài 14: Giao thông vận tải, hiệu ứng sẽ giúp học sinh nhìn thấy đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A chạy từ đâu đến đâu, đi qua những tỉnh nào mà ở bản đồ giấy không làm được điều này.

(*Có minh họa kèm theo tại phụ lục - ảnh 5*)

b) Các sơ đồ động

Ví dụ 1: Bài 4: Sông ngòi (*Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 6*)

Ví dụ 2: Bài 5: Vùng biển nước ta (*Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 7*)

c) Biểu đồ

Ví dụ: Bài 14: Giao thông vận tải (*Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 8*)

d) Hình ảnh phong phú

Ví dụ 1: Bài 5: Vùng biển nước ta (*Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 9*)

Ví dụ 2: Bài 4: Sông ngòi (*Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 10*)

e) Dùng Violet để thiết kế các bài ôn tập như bài 7, bài 16, bài 22, bài 29:

(*Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 11*)

Nếu với thao tác treo tranh, bảng thống kê, xem đoạn tư liệu thì giáo viên mất tương đối nhiều thao tác và thời gian. Còn với giáo án điện tử, người giáo viên chỉ việc kích chuột. Nhưng điều muốn nói ở đây là hiệu quả của quá trình phát hiện kiến thức. Chỉ sau một thời gian ngắn, hầu hết các em đều hào hứng trả lời được các câu hỏi của giáo viên đưa ra mà thao tác dụng tranh khó có thể đạt được như vậy.

2.3. Những lưu ý khi dùng giáo án điện tử

- Không phải bài nào cũng dùng được giáo án điện tử.
- Trong quá trình dạy không nên lạm dụng công nghệ thông tin mà rời xa bảng đen phấn trắng.
- Không để học sinh học tiếp cận với máy tính quá lâu, gây sự nhàm chán trong việc chú ý của các em.
- Khi thiết kế giáo án điện tử phải có tính khoa học, xác thực rõ ràng về nội dung, không lạm dụng nhiều hiệu ứng, âm thanh, tiếng động.

2.4. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ ôn tập trực tuyến

Trong mấy năm học vừa qua, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 diễn ra phức tạp nên học sinh cả nước đã được tiếp cận với việc học trực tuyến. Do đó, học sinh cũng được hình thành kỹ năng học trực tuyến tốt hơn.

Đối với một giờ học trên lớp, trong không gian lớp học, cô và trò được trao đổi trực tiếp, các hoạt động dạy và học diễn ra nhịp nhàng nhưng đôi khi vẫn không tránh khỏi sự nhàm chán và thời gian có hạn. Vì vậy, giáo viên cần thay đổi linh hoạt các hình thức học tập và rèn luyện để học sinh có thể nắm chắc và hiểu sâu kiến thức hơn. Qua đó, tôi chọn lựa việc học trực tiếp kết hợp với luyện tập báo cáo thực hành qua một số phần mềm như Google Form, Quizizz hay Microsoft Teams nhằm mục đích giúp các em học sinh chủ động tìm hiểu và nắm vững kiến thức hơn.

(*Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 12+13*)

3. Biện pháp 3: Tổ chức trò chơi học tập

(Có minh họa kèm theo tại phụ lục- ảnh 14)

Trò chơi học tập là một trong những phương pháp dạy học được sử dụng ở tất cả các môn học, được tổ chức ở bất cứ phần nào của nội dung bài học. Với mục đích làm thay đổi hình thức học tập, làm không khí trong lớp học được thoải mái dễ chịu hơn, học sinh tiếp thu tự giác tích cực hơn. Với tâm lý lứa tuổi, hình thức “học mà chơi – chơi mà học” luôn được các thầy cô giáo quan tâm. Dưới đây là một số ví dụ về các trò chơi mà tôi đã thực hiện

Trò chơi thứ nhất: Chiếc hộp bí mật

(dùng cho các bài ôn tập)

a) Mục tiêu

- Giúp học sinh củng cố, hệ thống kiến thức có trong các bài học.

b) Chuẩn bị

- Bốn chiếc hộp có màu sắc khác nhau.
- Các bộ câu hỏi về kiến thức, nội dung các phần thưởng để sẵn trong hộp.

c) Cách tiến hành

- Giáo viên gọi lần lượt từng em lên lựa chọn chiếc hộp và bốc thăm câu hỏi và trả lời trước lớp.
- Trả lời đúng sẽ được chọn quà và chỉ định một bạn khác.
- Trả lời sai sẽ không được nhận quà.

d) Ví dụ: Bài 7: Ôn tập

* Một số câu hỏi tôi chuẩn bị như sau:

- Chỉ và đọc tên ít nhất hai đảo hoặc quần đảo của nước ta trên lược đồ.
- Con sông nào tạo nên đồng bằng phì nhiêu ở Nam bộ?
- Dãy núi nào được ví như trục xương sống của đất nước?
- Đặc điểm chính của địa hình nước ta?
- Đất phèn - ra - lít tập trung ở vùng nào?
- Vì sao các con sông miền Trung lại ngắn và dốc?...

* Một số phần thưởng cho trò chơi:

- Phần thưởng là một trong những đồ dùng học tập như: chiếc bút chì, cục tẩy, tệp nhãn vở, chiếc thước kẻ...
- Phần thưởng là lời khen, lời động viên của cô giáo hoặc thực hiện một yêu cầu ngộ nghĩnh, chẳng hạn:
 - + Bạn thuộc bài xứng đáng nhận được một tràng pháo tay của cả lớp .
 - + Bạn thật vinh hạnh khi được bắt tay với lớp trưởng.

Trò chơi thứ hai : Đố mắt

(Dùng cho bài 12: Công nghiệp)

a) Mục tiêu

Học sinh nhớ được tên các sản phẩm của các ngành công nghiệp nước ta.

b) Chuẩn bị

- Bộ câu hỏi về tên của các ngành công nghiệp.
- Một bông hoa giấy màu đỏ làm chiếc thẻ cho tổ trọng tài.

c) Tiến hành

- Mỗi tổ cử đại diện một học sinh tham gia chơi. Lớp cử 4 bạn làm trọng tài.
- Khi giáo viên đưa ra lần lượt các câu hỏi, đại diện các tổ trả lời theo hình thức vòng tròn trong vòng 5 giây/câu hỏi, nếu bạn nào trả lời sai hoặc sau 5 giây chưa có câu trả lời thì sẽ bị loại khỏi vòng chơi. Bạn nào có mặt ở vòng cuối cùng sẽ là người chiến thắng.

Trò chơi thứ ba: Tập làm hướng dẫn viên du lịch

(Dùng cho bài dạy 15: Thương mại và du lịch)

a) Mục đích

- Học sinh được củng cố kiến thức về địa điểm, vị trí một số nét tiêu biểu của một địa danh có sự phát triển hoạt động thương mại hoặc du lịch.
- Phát huy tính sáng tạo, rèn kỹ năng nói và trình bày của học sinh.

b) Chuẩn bị

Một số bức ảnh về một số địa danh như : Hà Nội, Huế, vịnh Hạ Long, di tích lịch sử đền Gióng, biển Nha Trang, làng nghề truyền thống Bát Tràn

c) Cách chơi

- Gọi 2 đến 3 em theo tinh thần xung phong.
- Học sinh lựa chọn bức ảnh mình yêu thích, giới thiệu về tên, địa chỉ và vài nét tiêu biểu của khu du lịch hoặc trung tâm thương mại đó.
- Lớp bình chọn một bạn là người: “Hướng dẫn viên du lịch giỏi” theo tiêu chí: duyên dáng, giới thiệu hấp dẫn.

Trò chơi thứ tư: Tập làm “Hoa tiêu”

(dùng cho bài 14: Giao thông vận tải)

a) Mục đích

- Giúp học sinh củng cố các kiến thức về các loại hình giao thông.
- Nhớ một số địa danh của nước ta trên bản đồ.
- Rèn kỹ năng tổng hợp kiến thức.

b) Chuẩn bị

- Lược đồ giao thông
- Que chỉ.

c) Cách tiến hành

- Gọi 2 đến 3 học sinh theo tinh thần xung phong

- Học sinh ở dưới lớp đóng vai là khách du lịch, khi khách du lịch hỏi về cách đi đến các điểm du lịch, người chỉ đường lúc này phải kết hợp lời chỉ dẫn với việc chỉ đường trên lược đồ sao cho khớp.

- Cách tính điểm:

+ Hoa tiêu chỉ đủ, đúng tất cả các phương án được 10 điểm.

+ Chỉ thiếu một phương án trừ 3 điểm .

+ Hoa tiêu nào được nhiều điểm thì sẽ chiến thắng.

d) Ví dụ

- Khi khách du lịch là người đang sống ở Thành phố Hồ Chí Minh muốn ra Hà Nội thăm lăng Bác thì sẽ đi như thế nào?

- Hoa tiêu phải nêu được đầy đủ các phương án như sau:

+ Đi bằng ô tô.

+ Đi bằng máy bay.

+ Đi theo đường thủy.

4. Biện pháp 4: lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường

(Có minh họa tại phụ lục- ảnh 15)

Môi trường tự nhiên là một phần thiên nhiên bao la mà trong đó xã hội loài người tồn tại, có mối quan hệ qua lại và chịu sự tác động của xã hội. Môi trường hiện nay đang bị thay đổi từng ngày từng giờ bởi vậy bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mọi quốc gia trên thế giới và đặc biệt là trách nhiệm vô cùng to lớn của những người làm công tác giáo dục.

Ở bậc Tiểu học, việc giáo dục học sinh bảo vệ môi trường thông qua môn học Tự nhiên xã hội nói chung và môn Địa lí nói riêng là quan trọng và vô cùng thiết thực. Với phân môn Địa lí phải chú ý giáo dục môi trường cho học sinh nhiều hơn vì đặc trưng của môn học. Thông qua những hoạt động học tập học sinh hiểu biết những việc nào nên và không nên làm nghĩa là phần nào giáo viên đã giúp học sinh phát huy tính tích cực tự giác trong học tập.

Ví dụ: **Trò chơi "Phá rừng".**

- Học sinh để tất cả tờ giấy báo cũ cạnh nhau trên mặt đất, sau đó đứng vào trên tờ báo đó (mỗi học sinh đứng trên 1 tờ báo).

- Tất cả chạy ra ngoài và chạy vòng quanh địa điểm có giấy báo.

- Khi giáo viên ra hiệu thì tất cả nhanh chóng nhảy vào vị trí có giấy báo (1 tờ giấy chỉ chứa 1 người).

- Sau đó ra ngoài chạy tiếp, giáo viên cất đi một số tờ giấy báo và vỗ tay cho tất cả nhảy vào lại. Lúc này sẽ có một số người không có chỗ đứng, phải đứng ra ngoài vòng.

- Cứ tiếp tục như vậy, có nhiều học sinh bị loại ra khỏi vòng.

* *Học sinh nhận xét, giải thích:*

- Các tờ giấy báo bị mất dần tượng trưng cho hình ảnh của việc đất rừng bị khai thác, xâm lấn, chiếm đoạt.

- Những người bị loại ra khỏi vòng tượng trưng cho cây cối bị chặt, đốn.

* *Giáo dục:* Không nên khai thác rừng bừa bãi.

5. Kết quả sau khi áp dụng giải pháp sáng kiến tại đơn vị:

Từ thực tế giảng dạy, kết hợp với những biện pháp trên, tôi vui mừng khi thấy hiệu quả giờ học Địa lí của lớp tôi ngày càng có sự chuyển biến rõ rệt. Nếu đầu năm học, các em ngại hay lo lắng khi đến giờ học hoặc lúng túng không biết chỉ bản đồ, lược đồ, không xác định được phương hướng vị trí của một số vùng, miền thì nay đã khác. Cụ thể: Kết quả kiểm tra cuối kì I và đánh giá giữa kì II môn Địa lí của hai lớp 5A3 (38 học sinh) *không áp dụng sáng kiến* và 5A4 (41 học sinh) *áp dụng sáng kiến* thu được như sau:

LỚP	TSHS	Cuối kì 1						Giữa kì 2					
		HHT		HT		CHT		HTT		HT		CHT	
		SL	TL %	SL	TL%	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
5A3	38	14	36,8	24	63,2	0	0	15	39,5	23	60,5	0	0
5A4	41	18	43,9	23	56,1	0	0	26	63,4	15	36,6	0	0

Đặc biệt hơn là giờ học Địa lí tại lớp 5A4 đã sôi nổi hơn, các em hào hứng làm việc, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, chủ động tìm tòi kiến thức. Học sinh thích tham gia các trò chơi trên bản đồ, lược đồ, đặc biệt thích trình bày những vấn đề liên quan đến môi trường. Nhờ đó đã hình thành cho các em một số thói quen giữ vệ sinh môi trường vệ sinh lớp học.

Người giáo viên tìm ra biện pháp tối ưu, vận dụng các biện pháp phù hợp đồng thời linh hoạt trong các bước của một giờ dạy. Phải sáng tạo trong khai thác vốn sống của học sinh, kích thích sự tò mò, ham hiểu biết để học sinh tìm hiểu những điều bí ẩn, gây hứng thú cho học sinh, giúp các em nhận thức bài học một cách tự giác và tích cực. Bên cạnh đó người giáo viên phải khéo léo phối hợp các phương pháp dạy học đặc trưng để đạt hiệu quả cao.

IV. Hiệu quả của sáng kiến:

1. Hiệu quả về khoa học:

- Sáng kiến này chỉ ra được những giải pháp mới, áp dụng vào thực tiễn giảng dạy.

- Sáng kiến đã đáp ứng được về những yêu cầu ứng dụng CNTT, khoa học công nghệ trong quá trình giảng dạy và mang lại hiệu quả nhất định.
- Nâng cao chất lượng dạy học với bản đồ, lược đồ, khắc phục được những hạn chế đã nêu trong đề tài.

2. Hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế của sáng kiến rất khó để định lượng, tuy nhiên có thể chỉ ra một số lợi ích về kinh tế như:

- Giảm thiểu việc mua đồ dùng dạy học như lược đồ, bản đồ, tranh ảnh minh họa cho từng bài.
- Giao bài qua những phần mềm làm bài tập củng cố, giảm chi phí cho việc mua các gói bài tập mất phí.
- Nâng cao được hiệu suất làm việc của giáo viên, giúp học sinh hứng thú với môn học và nghiên cứu khoa học, tránh lãng phí thời gian.

3. Hiệu quả xã hội :

Trong quá trình giảng dạy giáo viên quan tâm đến khả năng từng học sinh để có biện pháp bồi dưỡng phù hợp, đưa chất lượng đồng đều, tạo điều kiện cho học sinh học tập một cách tốt nhất, động viên khích lệ học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động tập thể và khen ngợi học sinh kịp thời:

- Giờ học đã sôi nổi hơn, các em hào hứng làm việc, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, chủ động tìm tòi kiến thức.
- Học sinh thích tham gia các trò chơi trên bản đồ, lược đồ, đặc biệt thích trình bày những vấn đề liên quan đến môi trường. Nhờ đó đã hình thành cho các em một số thói quen giữ vệ sinh môi trường vệ sinh lớp học.

V. Tính khả thi (khả năng áp dụng thực tiễn công tác của đơn vị):

- Sáng kiến đã được áp dụng thành công trong phạm vi lớp 5A4 và có thể lan rộng áp dụng đối với các lớp khác trong đơn vị trường, huyện, Thành phố.
- Với sự phát triển của CNTT như hiện nay, những kinh nghiệm trong đề tài đều chi tiết, minh chứng rõ ràng rất dễ thực hiện, sẽ được áp dụng triệt để, mang lại hiệu quả tích cực đối với quá trình dạy học môn Địa lí.

VII. Thời gian thực hiện đề tài, sáng kiến:

- Sáng kiến đã được áp dụng từ tháng 10/2023 đến hiện tại đã có hiệu quả rõ rệt và sẽ tiếp tục áp dụng trong các năm học tiếp theo.

VIII. Kinh phí thực hiện đề tài, sáng kiến.

- Không

C – KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên đây là một số biện pháp dạy học môn Địa lí nhằm phát huy tính tích cực của học sinh trong học tập Địa lí phần địa lí Việt Nam mà tôi đã tiến hành áp dụng, và đã đạt một số kết quả đáng khích lệ. Từ đó, tôi rút ra bài học như sau:

- Để bài dạy đạt hiệu quả cao người giáo viên phải tâm huyết với nghề luôn chuẩn bị chu đáo kế hoạch bài dạy, tìm tòi, sáng tạo, linh hoạt trong việc sử dụng các phương pháp và tổ chức các hình thức dạy học tốt nhất nhằm phát huy tính tích cực chủ động của học sinh trong việc tìm tòi, phát hiện ra kiến thức môn Địa lí nói chung và phần địa lí Việt Nam nói riêng.

- Giáo viên cần xây dựng nội dung bài học bằng cách xây dựng các tình huống có vấn đề,... từ đó học sinh tìm cách giải quyết để tìm ra kiến thức. Cũng từ đây hình thành thói quen chủ động tiếp cận, phát hiện kiến thức cho học sinh

- Giáo viên cần phải luôn động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh được tiếp cận kiến thức từ nhiều nguồn như: trong sách vở, trang thiết bị đồ dùng dạy học, thực tế cuộc sống,... trong dạy học môn Địa lí.

- Học sinh phải có sự tìm hiểu và chuẩn bị bài trước ở nhà một cách kĩ càng, để các em tiếp thu bài tốt không bị thụ động.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc giảng dạy môn Địa lí.

- Phối kết hợp chặt chẽ giữa các gia đình, xã hội để động viên, giáo dục, nâng cao tính tích cực chủ động trong học tập của học sinh nói chung và trong dạy học môn Địa lí phần địa lí Việt Nam nói riêng cho các em.

Trên đây là một vài kinh nghiệm nhỏ của tôi trong việc phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học môn Địa lí. Việc phát huy tính tích cực của học sinh trong các tiết học nói chung và trong tiết Địa lí nói riêng cần cho học sinh phải được kết hợp nhiều phương pháp và nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau. Những biện pháp mà tôi nêu ra cũng khó tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong được sự đóng góp của hội đồng xét duyệt và các bạn đồng nghiệp để đề tài của tôi được hoàn thiện và đạt kết quả cao hơn.

2. Khuyến nghị

Qua quá trình giảng dạy và tìm hiểu, tôi thấy rằng: để dạy học môn Địa lí 5 ở bậc Tiểu học theo hướng đổi mới đạt hiệu quả cao cần có một số điều kiện nhất định. Tôi xin có một số khuyến nghị sau:

2.1. Đối với giáo viên

- Tích cực tham khảo và tích lũy các kiến thức về địa lí.

- Nghiên cứu thật kĩ chương trình sách giáo khoa, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn để nâng cao hiệu quả giờ dạy.

- Tăng cường nghiên cứu để làm đồ dùng dạy học, tích cực tích lũy những kinh nghiệm về phương pháp, chịu khó học hỏi kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ thông tin.

2.2. Đối với nhà trường

- Cần trang bị thêm các loại sách tham khảo, tư liệu, các thông tin về phương pháp giảng dạy ở trong và ngoài nước để giúp giáo viên tiếp cận kịp thời với các phương pháp giáo dục tiên tiến nhất để đạt hiệu quả cao nhất.

- Quan tâm tới việc đổi mới cơ sở vật chất, tăng cường thêm các thiết bị dạy học hiện đại nhằm phục vụ cho giảng dạy có hiệu quả.

- Giới thiệu các tư liệu hoặc các nguồn tư liệu để phục vụ cho việc thiết kế giáo án điện tử của các bộ môn.

- Thường xuyên nghiên cứu và chỉ đạo về đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh.

Tôi xin cam đoan đây là sáng kiến kinh nghiệm của mình viết, không sao chép nội dung của người khác.

Hà Nội, ngày 8 tháng 5 năm 2024

Người viết

Đặng Thị Tươi

PHỤ LỤC

I. Hướng dẫn sử dụng hiệu quả bản đồ, lược đồ:

- Một số điểm lưu ý khi sử dụng lược đồ, biểu đồ:

Ví dụ: Bài 9: Các dân tộc và sự phân bố dân cư



Ảnh 1

- Hướng dẫn học sinh sử dụng hiệu quả lược đồ, bản đồ trong từng tiết học Địa lí:



Ảnh 2: Tiết học Địa lí lớp 5A4

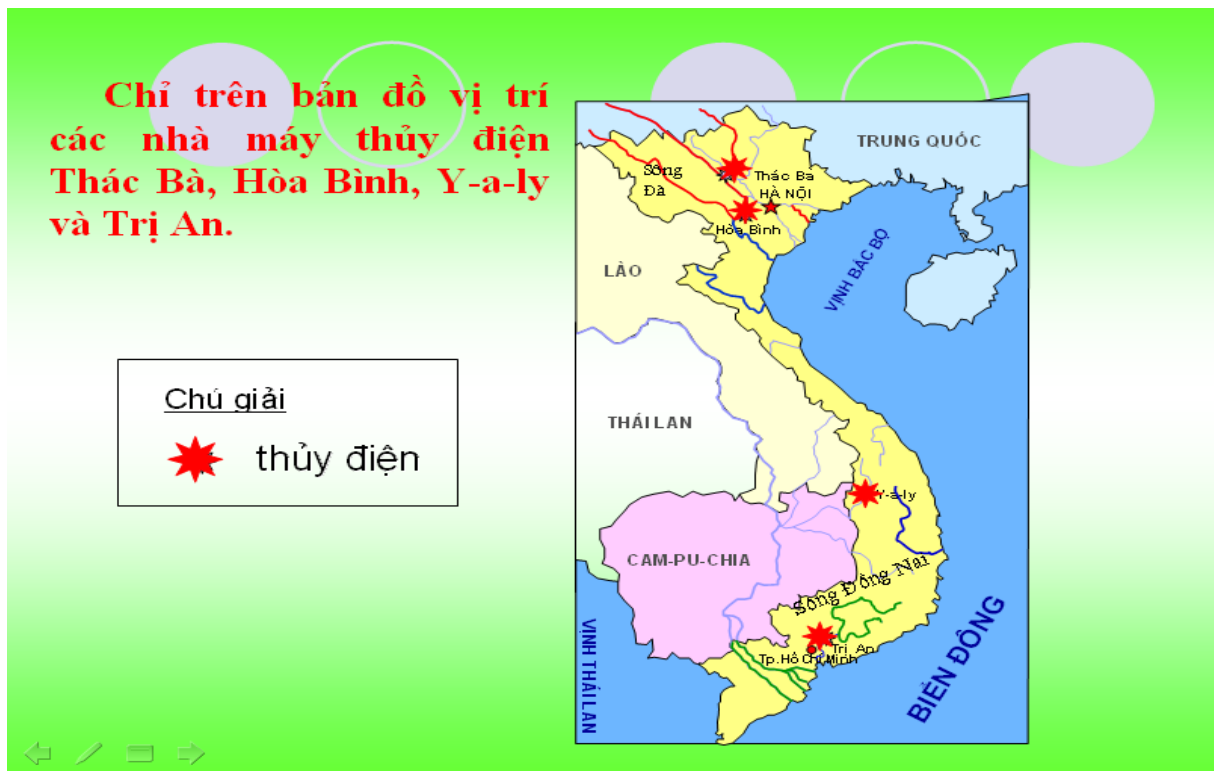
II. Khai thác triệt để ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

a, Ví dụ 1: Bài 5: Vùng biển nước ta



Ảnh 3

Ví dụ 2: Bài 4: Sông ngòi



Ảnh 4

Hoặc với bài 14: Giao thông vận tải: Hiệu ứng sẽ giúp học sinh nhìn thấy đường sắt Bắc Nam và quốc lộ 1A chạy từ đâu đến đâu, đi qua những tỉnh nào mà ở bản đồ giấy không làm được điều này.



Ảnh 5

b) Các sơ đồ động

Ví dụ 1: Bài 4: Sông ngòi



Ảnh 6

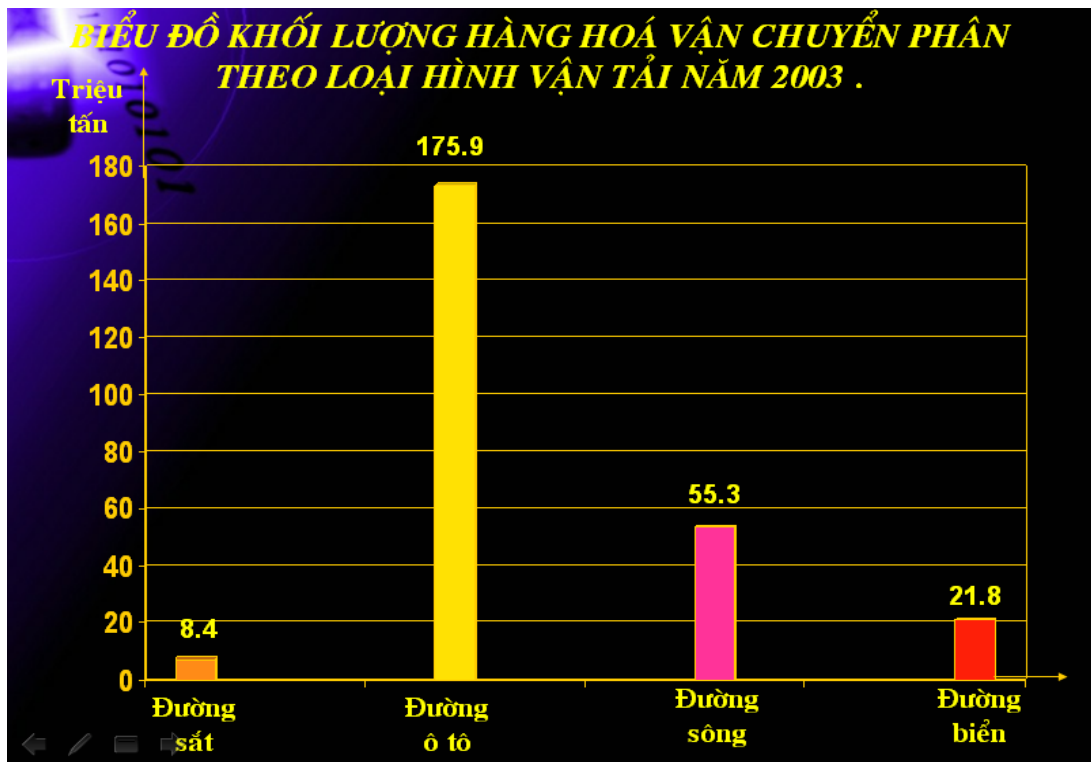
Ví dụ 2: Bài 5: Vùng biển nước ta



Ảnh 7

c) Biểu đồ

Ví dụ: Bài 14: Giao thông vận tải



Ảnh 8

d) Hình ảnh phong phú

Ví dụ 1: Bài 5: Vùng biển nước ta



Ảnh 9

Ví dụ bài 10: Nông nghiệp:



Ảnh 10

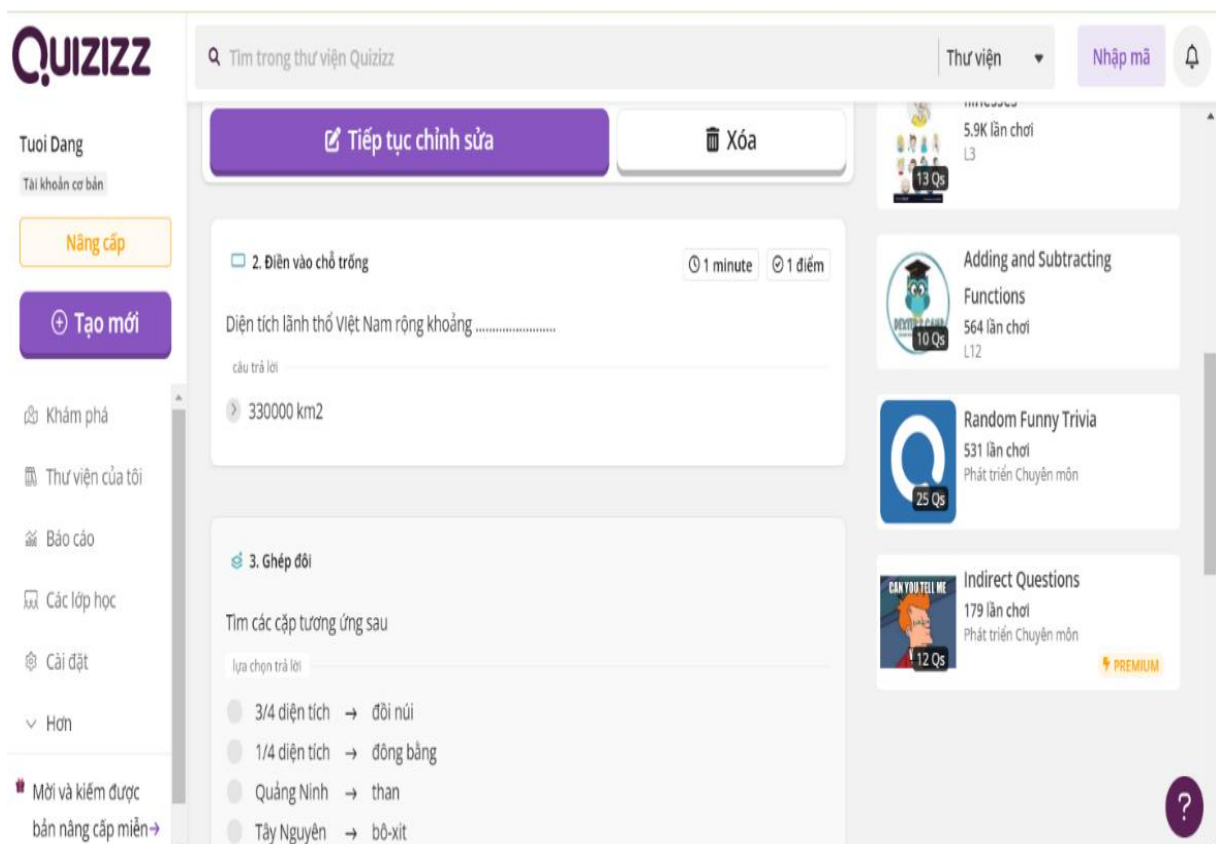
e) Dùng Violet để thiết kế các bài ôn tập như bài 7, bài 16, bài 22, bài 29:

Ví dụ:



Ảnh 11

2.4. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ ôn tập trực tuyến



GV sử dụng phần mềm Quizizz để củng cố kiến thức cho học sinh bài 2: Địa hình và khoáng sản

Ảnh 12

The screenshot shows a Google Form interface. At the top, the title is 'CÙNG CỐ ĐỊA LÍ: GIAO THÔNG VẬN TẢI'. Below the title, there's a section for 'Họ và tên' (Full Name) and a 'Trả lời ngắn' (Short Answer) field. A 'Đáp án' (Answer) section is also visible, marked as '(0 điểm)'. There's a 'Bắt buộc' (Required) toggle switch. At the bottom, there's a 'Lớp' (Class) field. The form is part of a quiz or assessment, as indicated by the 'Tổng điểm: 100' (Total score: 100) at the top right.

GV sử dụng ứng dụng Google Form để củng cố kiến thức cho học sinh bài 14: Giao thông vận tải
 Ảnh 13

III. Tổ chức trò chơi học tập

Trò chơi thứ ba: Tập làm hướng dẫn viên du lịch

(Dùng cho bài dạy 15: Thương mại và du lịch)



GV tổ chức cho HS chơi “Tập làm hướng dẫn viên du lịch”
 giới thiệu về các địa danh mà em biết tại Ba Vì
 Ảnh 14

IV. Lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường

Ảnh 15: Địa lí bài 9: Đất và rừng,

GV lồng ghép cho HS trồng cây để giáo dục ý thức bảo vệ môi trường

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. NXB giáo dục, Chương trình SGK Địa lí lớp 5.
2. Lê Thu Hà, Nguyễn Thị Hằng, Lê Thu Huyền, Sách thiết kế Địa lí 5, NXB Hà Nội.
3. Nguyễn Anh Dũng (chủ biên),SGV Địa lí 5, NXB giáo dục.
4. Bộ GD&ĐT (2007), Phương pháp dạy học các môn học ở lớp 5 tập hai, NXB giáo dục.
5. Vụ Giáo dục Tiểu học, Báo Giáo dục Tiểu học.
6. Thư viện giáo án điện tử: www.giaosan.violet.vn